HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 44 /2025/NQ-HĐND	*Tây Ninh, ngày 10 tháng 12 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT

Quy định quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 2358/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Báo cáo thẩm tra số 651/BC-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 2. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách; nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật. Đảm bảo sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng chế độ.

2. Việc lập dự toán, thanh, quyết toán kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi quy định tại Điều 1 Nghị quyết này thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, chế độ kế toán.

Điều 3. Nội dung chi và mức chi

1. Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo; chi đi công tác để thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi; chi tiền ở, đi lại trong nước của những người tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi quy định tại Điều 1 Nghị quyết này và học sinh các đội tuyển dự thi cấp khu vực, quốc gia: thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

2. Nội dung chi và mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh:

a) Nội dung chi và mức chi cho hoạt động tổ chức, tham gia các kỳ thi (thi tốt nghiệp Trung học phổ thông, thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa, thi tuyển sinh đầu cấp trung học phổ thông, hội thi Tin học trẻ, thi chọn học sinh giỏi giải toán trên máy tính cầm tay): theo phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

b) Nội dung chi và mức chi cho hoạt động tổ chức, tham gia các hội thi (thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi, giáo viên làm tổng phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh giỏi): theo phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

c) Nội dung chi và mức chi cho hoạt động tổ chức, tham gia Hội khỏe Phù Đổng, giải Thể thao cấp tỉnh, khu vực và toàn quốc: theo phụ lục III kèm theo Nghị quyết này.

3. Mức chi quy định tại Nghị quyết này được áp dụng thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian tổ chức các nhiệm vụ. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì được hưởng một mức thù lao cao nhất.

4. Mức chi tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi cấp xã, cấp phường (nếu có) bằng 80% mức chi kỳ thi, hội thi, cuộc thi cấp tỉnh.

5. Mức chi tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi cấp trường (cơ sở giáo dục): căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng dự toán kinh phí được giao, các cơ sở giáo dục xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị cho phù hợp và không vượt quá mức chi quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Khi các Luật, văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị-xã hội tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và thay thế các Nghị quyết sau đây:

- Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09 ngày 12 tháng 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An về quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động tổ chức các kỳ thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh Long An;

- Nghị quyết số 48/2022/NQ-HĐND ngày 09 ngày 12 tháng 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định nội dung chi và mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Tây;

- Nghị quyết số 68/2024/NQ-HĐND ngày 22 ngày 3 tháng 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 48/2022/NQ-HĐND ngày 09 ngày 12 tháng 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi và mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các kỳ thi, hội thi, cuộc thi tổ chức trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì thực hiện quy định nội dung chi và mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Đối với các kỳ thi, hội thi, cuộc thi tổ chức từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 7 (Kỳ họp thường lệ cuối năm 2025) thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban công tác đại biểu - Quốc hội;
- Các Bộ: Tư pháp, GD-ĐT;
- Cục KT văn bản và QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ GD-ĐT;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Thủ trưởng các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; VP. UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- TT. Công báo - Tin học (Văn phòng UBND tỉnh);
- Lưu: VT (TĐ).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng

Phụ lục I

QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI ĐỂ TỔ CHỨC CÁC KỲ THI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/2025/HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
I	**Mức chi thực hiện nhiệm vụ tổ chức, tham gia các kỳ thi cấp quốc gia do Cấp Bộ ra đề (thi chọn học sinh giỏi Quốc gia, tốt nghiệp trung học phổ thông, Hội thi Tin học trẻ, thi chọn học sinh giỏi giải toán trên máy tính cầm tay)**		
1	**Ban chỉ đạo cấp tỉnh**		
	- Trưởng ban	Người/ngày	900
	- Phó Trưởng ban	Người/ngày	810
	- Ủy viên/thành viên, thư ký	Người/ngày	450
	- Phục vụ	Người/ngày	270
2	**Hội đồng thi**		
	- Chủ tịch	Người/ngày	825
	- Các Phó Chủ tịch	Người/ngày	745
	- Ủy viên, thư ký, giám sát (đối với hội đồng khảo sát	Người/ngày	415
3	**Hội đồng khảo sát các chương trình đánh giá quốc gia, quốc tế (PISA, TALIS, SEA PLM)**		
	- Chủ tịch	Người/ngày	825
	- Các Phó Chủ tịch	Người/ngày	745
	- Ủy viên, thư ký, giám sát cấp tỉnh	Người/ngày	415
	- Tổ trưởng tổ khảo sát cấp trường	Người/ngày	550
	- Cán bộ khảo sát, cán bộ điều phối, cán bộ giám sát, cán bộ hỗ trợ cấp trường	Người/ngày	385
	- Trả lời phiếu hỏi	Phiếu	50

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
4	**Hội đồng/Ban in sao đề thi**		
	- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	550
	- Các Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	495
	- Ủy viên, Thư ký, công an, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	385
	- Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	220
5	**Ban Thư ký Hội đồng thi**		
	- Trưởng ban	Người/ngày	550
	- Các Phó Trưởng ban	Người/ngày	495
	- Ủy viên	Người/ngày	385
6	**Ban vận chuyển và bàn giao đề thi**		
	- Trưởng ban	Người/ngày	500
	- Các Phó Trưởng ban	Người/ngày	400
	- Ủy viên	Người/ngày	350
7	**Hội đồng/Ban coi thi**		
	- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	500
	- Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	450
	- Trưởng điểm thi	Người/ngày	450
	- Phó Trưởng điểm thi	Người/ngày	405
	- Ủy viên, thư ký (Hội đồng/Ban coi thi, điểm thi), giám thị/cán bộ coi thi, cán bộ giám sát	Người/ngày	350
	- Trật tự viên (công an, kiểm soát viên quân sự)	Người/ngày	350
	- Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ	Người/ngày	200
8	**Ban/Tổ làm phách**		
	- Trưởng ban	Người/ngày	550
	- Các Phó trưởng ban	Người/ngày	495
	- Ủy viên, Thư ký, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	385
	- Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	220
9	**Tổ chức chấm thi**		
a.	**Tiền công chấm chi**		
	- Chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi Tin học	Người/ngày	675
	- Chấm bài thi trắc nghiệm: chi cho cán bộ thuộc tổ xử lý chấm bài thi trắc nghiệm	Người/ngày	525
	- Chấm thẩm định, chấm kiểm tra bài thi tự luận	Người/ngày	405

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
b	**Hội đồng/Ban chấm thi, Hội đồng/Ban phúc khảo, thẩm định**		
	- Chủ tịch hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	550
	- Phó Chủ tịch thường trực/Phó Trưởng ban trực	Người/ngày	495
	- Các Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	495
	- Tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi (ngoài tiền công chấm thi)	Người/đợt	300
	- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	385
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ, y tế	Người/ngày	220
	- Chi cho các CB chấm phúc khảo bài thi tốt nghiệp	Người/ngày	405
	- Chi cho các CB chấm thẩm định bài thi tốt nghiệp	Người/ngày	405
10	**Các nhiệm vụ khác có liên quan**		
	- Chi phụ cấp trách nhiệm thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi (chỉ áp dụng đối với cán bộ làm công tác thanh tra kiêm nhiệm)		
	+ Trưởng đoàn	Người/ngày	500
	+ Thành viên	Người/ngày	350
	+ Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	425
II	**Mức chi bồi dưỡng công tác ra đề, sao in đề, coi thi, chấm thi, thanh tra và tổ chức các kỳ thi học sinh giỏi, tuyển sinh 10 và các kỳ thi, hội thi, cuộc thi khác do Sở Giáo dục và Đào tạo ra đề**		
1.	**Ban chỉ đạo cấp tỉnh**		
	- Trưởng ban	Người/ngày	900
	- Phó Trưởng ban	Người/ngày	810
	- Ủy viên/thành viên, thư ký	Người/ngày	450
	- Phục vụ	Người/ngày	270
2.	**Hội đồng thi**		
	- Chủ tịch	Người/ngày	825
	- Các Phó Chủ tịch	Người/ngày	745
	- Ủy viên	Người/ngày	415
3.	**Ban Thư ký Hội đồng thi**		
	- Trưởng ban	Người/ngày	550
	- Các Phó Trưởng ban	Người/ngày	495
	- Ủy viên	Người/ngày	385
4.	**Ra đề thi**		
a	**Tiền công ra đề thi**		

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	- Hội đồng/Ban xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi	Người/ngày	
	+ Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	825
	+ Phó Chủ tịch/ Phó Trưởng ban	Người/ngày	740
	+ Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng trong	Người/ngày	580
	+ Bảo vệ, y tế, phục vụ vòng ngoài	Người/ngày	330
	- Tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận		
	+ Thi chọn học sinh giỏi cấp THCS	Đề	800
	+ Thi chọn học sinh giỏi cấp THPT	Đề	800
	+ Thi tốt nghiệp THPT	Đề	600
	+ Thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập	Đề	480
	+ Thi tuyển sinh trường THPT Chuyên	Đề	800
	- Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị		
	+ Thi chọn học sinh giỏi cấp THCS	Người/ngày	825
	+ Thi chọn học sinh giỏi cấp THPT	Người/ngày	825
	+ Thi tuyển sinh lớp 10 trường THPT công lập	Người/ngày	675
	+ Thi tuyển sinh lớp 10 trường THPT Chuyên	Người/ngày	825
b	**Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm**		
	-Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi		
	+ Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	825
	+ Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	740
	+ Các thành viên	Người/ngày	580
	+ Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày	330

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	- Tiền công soạn thảo, chuẩn hóa câu hỏi		
	+ Soạn thảo câu hỏi thô	Câu	42
	+ Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu	36
	+ Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu	30
	+ Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu	21
	+ Rà soát lựa chọn và nhập câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Câu	6
	- Tiền công thuê chuyên gia/hội đồng định cỡ câu trắc nghiệm		
	+ Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	825
	+ Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	740
	+ Các thành viên	Người/ngày	580
c	**Hội đồng/ban ra đề, in sao đề thi**		
	- Chủ tịch hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	825
	- Các Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	740
	- Ủy viên, thư ký, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	580
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	330
5.	**Ban vận chuyển và bàn giao đề thi**		
	- Trưởng ban	Người/ngày	500
	- Các Phó Trưởng ban	Người/ngày	400
	- Ủy viên	Người/ngày	350
6.	**Hội đồng/Ban coi thi**		
	- Chủ tịch hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	500
	- Phó Chủ tịch hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	450
	- Trưởng điểm thi	Người/ngày	450
	- Phó Trưởng điểm thi	Người/ngày	405
	- Ủy viên,Thư ký, giám thị/cán bộ coi thi, cán bộ giám sát	Người/ngày	350
	- Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ, công an	Người/ngày	200
7	**Tổ chức chấm thi**		
a	**Tiền công chấm bài tự luận**		
	- Thi chọn học sinh giỏi cấp THCS	Người/ngày	825

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	- Thi chọn học sinh giỏi cấp THPT	Người/ngày	825
	- Thi tuyển sinh lớp 10 THPT Công lập (đối với các môn Chung)	Người/ngày	525
	- Thi tuyển sinh lớp 10 vào trường THPT Chuyên (đối với môn Chuyên)	Người/ngày	825
b	**Chấm bài thi trắc nghiệm**		
	- Chi cho cán bộ thuộc Tổ/Ban xử lý bài thi trắc nghiệm	Người/ngày	525
c	**Hội đồng/Ban chấm thi, Hội đồng/Ban phúc khảo, thẩm định**		
	- Chủ tịch hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	550
	- Các Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	495
	- Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	385
	- Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ, công an	Người/ngày	220
	- Chi cho cán bộ/giám khảo chấm phúc khảo bài thi tuyển sinh 10 môn Chung	Người/ngày	360
	- Chi cho cán bộ/giám khảo chấm phúc khảo bài thi tuyển sinh 10 môn Chuyên	Người/ngày	495
	- Chi cho cán bộ/giám khảo chấm phúc khảo bài thi học sinh giỏi	Người/ngày	495
	- Chi cho cán bộ chấm thẩm định bài thi tự luận kỳ thi chọn học sinh giỏi	Người/ngày	495
	- Chi cho cán bộ chấm thẩm định bài thi tự luận kỳ thi tuyển sinh 10 THPT Công lập và Chuyên	Người/ngày	360
d	**Ban/Tổ làm phách**		
	- Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	550
	- Các Phó trường ban/Tổ phó	Người/ngày	495
	- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	385
	- Phục vụ, bảo vệ	Người/ngày	220
8	**Các nhiệm vụ khác có liên quan: Chi phụ cấp trách nhiệm thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau kỳ thi** (chỉ áp dụng đối với cán bộ làm công tác thanh tra kiêm nhiệm; trường hợp thanh tra viên chỉ áp dụng cho ngày làm việc vào thứ Bảy, Chủ nhật)		
	+ Trưởng đoàn	Người/ngày	500

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	+ Thành viên	Người/ngày	350
	+ Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	425
9	**Tiền công tập huấn đội tuyển học sinh dự thi cấp quốc gia và khu vực**		
	- Tiền công biên soạn và giảng dạy		
	+ Dạy lý thuyết	Người/ngày	750
	+ Dạy thực hành	Người/ngày	750
	+ Trợ lý thí nghiệm, thực hành (nếu có)	Người/ngày	250
	- Tiền ăn, giải khát giữa giờ cho học sinh các đội tuyển tham gia tập huấn và dự thi	Người/ngày	160
	- Cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Người/ngày	80
	- Mua sắm vật tư thực hành, thuê mướn phương tiện, cơ sở vật chất, trang thiết bị	Chi theo thực tế, Hợp đồng, thuê mướn, mua sắm theo quy định hiện hành	
	- Thuê chỗ ở cho học sinh đội tuyển trong thời gian tập huấn, dự thi	Chi theo thực tế, Hợp đồng, hóa đơn tài chính theo quy định hiện hành	
III	**Chi khác**		
1	**Hội đồng coi thi, địa điểm tổ chức thi**		
	- Trực đêm bảo vệ đề thi, bài thi các kỳ thi	Người/đêm	300
	- Lập hồ sơ đăng ký dự thi tuyển sinh 10	Hồ sơ	4
	- Lập và kiểm tra hồ sơ dự thi các kỳ thi chọn học sinh giỏi, tốt nghiệp THPT, tuyển sinh 10	Hồ sơ	30
	- Thuê quét dọn, vệ sinh phòng thi, khu vực tổ chức thi	Phòng/ngày	20
	- Nước uống giữa giờ cho thành viên Hội đồng thi, điểm thi, giáo viên tập huấn đội tuyển học sinh dự thi cấp quốc gia và khu vực	Người/ngày	20
	- Văn phòng phẩm; thuốc phòng bệnh, Băng rôn Hội đồng coi thi, điểm thi; thuê xe vận chuyển bài thi, hồ sơ thi	Chi theo thực tế , Hợp đồng, thuê mướn, mua sắm theo quy định hiện hành	
2	**Hội đồng/Ban chấm thi**		

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	- Khớp phách, vào điểm	Phòng thi	30
	- Tiền nước uống cho các thành viên Hội đồng chấm thi	Người/ngày	20
	- Trực đêm bảo vệ bài thi	Người/đêm	150
	- Các biểu mẫu phục vụ chấm thi, thẻ đeo	Phòng thi	20
	-Thuê quét dọn, vệ sinh	Hội đồng/Ban	200
	- Thuê bốc vác vận chuyển bài thi, thiết bị chấm thi từ khu vực chấm thi đến khu vực lưu giữ	Đợt	350
	- Văn phòng phẩm; thuốc phòng bệnh, Băng rôn Hội đồng chấm thi, điểm thi chấm thi; thuê xe vận chuyển bài thi, hồ sơ thi, thiết bị chấm thi.	Chi theo thực tế , Hợp đồng, thuê mướn, mua sắm theo quy định hiện hành	
3	**Hội đồng/Ban in sao đề thi**		
	- Tiền ăn, nước uống giữa giờ cho thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi, in sao đề thi, làm phách bài thi trong thời gian cách ly thực tế làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, làm phách	Người/ ngày	450
	- Tiền ăn trong thời gian cách ly còn lại (trong thời gian học sinh thi)	Người/ ngày	300
	- Mua sắm/thuê mướn trang thiết bị, địa điểm chấm thi, văn phòng phẩm	Chi theo thực tế , Hợp đồng, thuê mướn, mua sắm theo quy định hiện hành	
4	In ấn, hoàn thiện bằng tốt nghiệp THPT	Bằng	5

Phụ lục II

QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI ĐỂ TỔ CHỨC CÁC HỘI THI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/2025/HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
I	**Mức chi thực hiện nhiệm vụ tổ chức các hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên Tổng phụ trách giỏi, các hội thi văn nghệ, khoa học kỹ thuật cấp tỉnh**		
1	**Ban tổ chức Hội thi**		
	- Trưởng ban	Người/ngày	415
	- Các Phó Trưởng ban	Người/ngày	370
	- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	290
	- Hỗ trợ học sinh dự Hội thi Khoa học kỹ thuật	Sản phẩm	150
	- Hỗ trợ học sinh dự thi giai điệu tuổi hồng	Người/ngày, đêm	150
	- Hỗ trợ học sinh dự thi Liên hoan tiếng hát mầm non, vẽ tranh, giao lưu hùng biện tiếng Anh, viết chữ đẹp, …	Người/ngày	150
	- Hỗ trợ giáo viên tham gia hội diễn Hội thi giai điệu tuổi hồng	Người/ngày, đêm	150
	- Hỗ trợ giáo viên tham dự Hội thi tiếng hát giáo viên	Người/ngày	150
	- Hỗ trợ giáo viên dự thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi (thực hành)	Người/ tiết	250
	- Hỗ trợ giáo viên dự thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi (lý thuyết)	Người/ngày (sản phẩm)	250
	- Nhạc công Hội thi giai điệu tuổi hồng	Người/ngày, đêm	200
	- Nước uống cho các Hội đồng/Ban tham gia hội thi	Người/ngày	20
2	**Hội đồng/Ban ra đề thi**		
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	220
	- Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	200
	- Thư ký, ủy viên, bảo vệ vòng trong	Người/ngày	155
	- Phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	90
	- Ra đề thi Hội thi viết chữ đẹp	Đề	300
	- Ra đề thi các Hội thi khác	Đề	450

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
3	**Hội đồng/Ban coi thi**		
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	210
	- Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	175
	- Thư ký	Người/ngày	145
	- Giám thị	Người/ngày	150
	- Phục vụ, bảo vệ	Người/ngày	90
4	**Hội đồng/Ban chấm thi**		
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	400
	- Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	200
	- Thư ký, ủy viên	Người/ngày	160
	- Phục vụ, bảo vệ	Người/ngày	90
	- Giám khảo các hội thi biểu diễn văn nghệ	Người/ngày, đêm	200
	- Giám khảo hội thi giáo viên dạy giỏi (thực hành); Chấm trình bày biện pháp của GVCN lớp giỏi	Người/ tiết (hoạt động)	150
	- Giám khảo hội thi giáo viên dạy giỏi (lý thuyết, thuyết trình), năng khiếu của Tổng phụ trách (ứng xử, thực hành kỹ năng, năng khiếu)	Người/ngày	450
	- Chấm bài kiểm tra năng lực hiểu biết của Tổng phụ trách	Bài	60
	- Giám khảo hội thi vẽ tranh	Người/ tranh	25
	- Chấm điểm hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	Người/ngày	175
5	**Khen thưởng**		
5.1	**Hội thi Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh**		
	- Giải Nhất	Giải	1000
	- Giải Nhì	Giải	800

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	- Giải Ba	Giải	700
	- Giải Khuyến khích	Giải	600
5.2	**Khen thưởng các Hội thi khác**		
a.	**Giải cá nhân**		
	- Giải Nhất	Giải	500
	- Giải Nhì	Giải	400
	- Giải Ba	Giải	350
	- Giải Khuyến khích	Giải	300
b.	**Giải tập thể**		
	- Giải Nhất	Giải	1800
	- Giải Nhì	Giải	1500
	- Giải Ba	Giải	1200
	- Giải Khuyến khích	Giải	700
6	**Chi khác**		
	- In, hoàn thiện giấy khen	Giấy khen	5
	- Văn phòng phẩm, khung khen, băng rôn, thuê mướn địa điểm, cơ sở vật chất, vật tư phục vụ cho hội thi	Chi theo thực tế , Hợp đồng, thuê mướn, mua sắm theo quy định hiện hành	
II	**Tham dự cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp toàn quốc**		
	- Tiền ăn cho học sinh trong các ngày tập trung thi	Người/ngày	160
	- Vật tư phục vụ, thuê mướn phương tiện đoàn dự thi	Chi theo thực tế , Hợp đồng, thuê mướn, mua sắm theo quy định hiện hành	
	- Thuê chỗ ở cho học sinh các đội tuyển trong thời gian tập trung dự thi	Chi theo thực tế , Hợp đồng, thuê mướn, mua sắm theo quy định hiện hành	